TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tạo

2. Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa****:*** Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2018/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2018/QĐST-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lương Thị U**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn*: Ông **Hồ Xuân Th**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2018 của nguyên đơn là bà Lương Thị U và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Hồ Xuân Th là vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B3, thị xã Sóc Trăng (nay là

thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/8/2003, sau khi kết hôn bà U và ông Th sống chung với nhau tại số nhà B đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì ông Th bỏ nhà ra đi từ cuối năm 2003 cho đến nay. Bà U và những người thân của ông Th đều không liên lạc được, cũng không biết ông Th hiện còn sống hay ở địa chỉ cụ thể nào.

Bà U đã làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu tuyên bố ông Hồ Xuân Th mất tích và Tòa án đã ra Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST, ngày 23/3/2018 tuyên bố ông Hồ Xuân Th, sinh năm 1970, nơi cư trú cuối cùng tại số B đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Nay bà Lương Thị U nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Xuân Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa bà U và ông Th không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Hồ Xuân Th từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Lương Thị U thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn Hồ Xuân Th không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1.] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 11/5/2018 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị U lập ngày 11/5/2018 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn U nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn U và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/5/2018, nguyên đơn U yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Hồ Xuân Th có nơi cư trú cuối cùng tại số B đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Hồ Xuân Th vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn U yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Th theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung vụ án:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị U, về quan hệ hôn nhân của bà U và ông Hồ Xuân Th không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B3, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117/2003 quyển số 01 ngày 07/8/2003, theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông bà đã không còn sống chung từ 21/02/2004 cho đến nay.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời, nguyên đơn Lương Thị U có làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu tuyên bố bị đơn Hồ Xuân Th mất tích và Tòa án đã ra Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST, ngày 23/3/2018 tuyên bố ông Hồ Xuân Th, sinh năm 1970, nơi cư trú cuối cùng tại số B đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật, nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà U được ly hôn với ông Th.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa bà U và ông Th không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Lương Thị U tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lương Thị U và ông Hồ Xuân Th.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị U tự khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Lương Thị U phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0001731, ngày 14/5/2018, nguyên đơn U đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn Lương Thị U có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Hồ Xuân Th thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng
- UBND phường B3;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ